

Số: 6732/YCBG-BVT
V/v đăng tải thông tin yêu cầu báo
giá gói thầu Mua sắm thiết bị y tế,
vật tư xét nghiệm vi sinh năm 2024-
2025

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 11 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ
Gói thầu Mua sắm thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm vi sinh năm 2024-2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, làm cơ sở tổ chức mua sắm gói thầu Mua sắm thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm vi sinh năm 2024-2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền - Phường Võ Cường - Thành phố Bắc Ninh
- Tỉnh Bắc Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Nga
- Chức vụ: Văn thư
- Số điện thoại: 0222.3821.242
- Địa chỉ email: bvdkbacninh@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Văn thư - Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh - Đường Nguyễn Quyền - Phường Võ Cường - Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh.

- Hoặc nhận qua email (bản quét PDF đã có chữ ký, đóng dấu đỏ Công ty và file excel) theo địa chỉ: bvdkbacninh@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 15 tháng 11 năm 2024 đến trước 16h30 ngày 25 tháng 11 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế, vật tư/ yêu cầu chi tiết Bảng sau: Theo Phụ lục đính kèm

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:

- Địa điểm giao hàng: Giao hàng tại kho khoa dược, Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh, Đường Nguyễn Quyền, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Hàng hóa được cung cấp thành nhiều đợt theo yêu cầu hàng tháng của Bệnh viện.

- Thời gian giao hàng dự kiến: Giao hàng trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu từ Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh (Giao hàng trong giờ hành chính)

3. Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Không tạm ứng.

- Thanh toán bằng chuyển khoản.

- Thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày hoàn tất các thủ tục thanh toán (hóa đơn, biên bản bàn giao và các chứng từ liên quan) bên mua sẽ chuyển khoản toàn bộ số tiền đã mua hàng hóa cho bên bán.

5. Các thông tin khác (nếu có).

- Chất lượng hàng hoá mới 100%

- Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).... Và các khoản chi phí khác có liên quan, bên mua không phải trả thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Công thông tin điện tử UBND tỉnh (đăng tải);
- Công thông tin điện tử SYT (đăng tải);
- Phòng TCKT (đăng tải trên HT mạng ĐT Quốc gia);
- Phòng Công nghệ thông tin (đăng tải trên website của BV);
- Lưu VT, HĐXDG.

GIÁM ĐỐC

Hạ Bá Chân

Phụ lục: Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật

Gói thầu Mua sắm thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm vi sinh năm 2024-2025

(Kèm theo yêu cầu báo giá số 6732/YCBG-BVT ngày 15/11/2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh)

STT	Danh mục hàng hoá	Yêu cầu tính năng và yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bộ nhuộm phân biệt vi khuẩn Gram dương và Gram âm	- Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. - Thành phần: Crystal Violet, Lugol, Decolor (alcohol-acetone) và Safranin; mỗi dung dịch được chứa trong các chai riêng biệt. - Đóng gói: tối thiểu 250 ml/chai, 04 chai/bộ	Bộ	08
2	Môi trường phát hiện vi khuẩn kháng cồn kháng axit.	- Dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. - Thành phần: Carbol Fuchsin, Alcohol acid và Methylene Blue, mỗi dung dịch được chứa trong 1 chai riêng biệt. - Đóng gói: tối thiểu 250 ml/chai, 03 chai/bộ	Bộ	07
3	Bộ đo độ đục chuẩn	Hộp gồm 6 ống chuẩn (0,5; 1; 2; 3; 4; 5) với các nồng độ khác nhau cho phép ước tính mật độ huyền dịch vi khuẩn. + Ống chuẩn 0,5 (BaSO ₄ : 2,4 x 10 ⁻⁵ mol/l) + Ống chuẩn 1 (BaSO ₄ : 4,8 x 10 ⁻⁵ mol/l) + Ống chuẩn 2 (BaSO ₄ : 9,6 x 10 ⁻⁵ mol/l) + Ống chuẩn 3 (BaSO ₄ : 1,44 x 10 ⁻⁴ mol/l) + Ống chuẩn 4 (BaSO ₄ : 1,92 x 10 ⁻⁴ mol/l) + Ống chuẩn 5 (BaSO ₄ : 2,4 x 10 ⁻⁴ mol/l)	Hộp	01
4	CLO-test chẩn đoán <i>H.pylori</i>	- Dùng để kiểm tra sự có mặt của <i>Helicobacter pylori</i> trong mẫu sinh thiết dạ dày - Đóng gói: Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất	Ống/test	2.600
5	Hóa chất dùng để bán định lượng các hoạt động của Enzym A	- Thành phần: Tris-hydroxymethyl-aminomethane, Hydrochloric acid, Natri lauryl sulfate. - Đóng gói: tối thiểu 8 ml/ống, 2 ống/Hộp	Hộp	01

6	Hóa chất dùng để bán định lượng các hoạt động của Enzym B	- Thành phần: Methanol và Dimethylsulfoxide. - Đóng gói: tối thiểu 5ml/ống, 2 ống/hộp	Hộp	01
7	Hóa chất định danh thủ công vi sinh vật	- Thành phần: Potassium hydroxide, naphthol, mỗi dung dịch được chứa trong một ống riêng biệt - Đóng gói: tối thiểu 5ml/ống, 2x2 ống/hộp	Hộp	01
8	Hóa chất dùng để định danh vi khuẩn liên cầu	- Thành phần: Ninhydrin, Methanol, Dimethylsulfoxide. - Đóng gói: tối thiểu 5ml/ống, 2 ống/hộp	Hộp	01
9	Hóa chất định danh vi khuẩn	- Thành phần: Axit sulfanilic, N,N-dimethyl-1-naphthylamine, mỗi dung dịch được chứa trong một ống riêng biệt - Đóng gói: tối thiểu 5ml/ống, 2x2 ống/hộp	Hộp	01
10	Hóa chất định danh vi khuẩn ngoài đường ruột	- Thành phần: HCl 1N và J 2183. - Đóng gói: tối thiểu 5ml/ống, 2 ống/hộp	Hộp	01
11	Hệ thống định danh thủ công vi sinh vật	2 hộp gồm 6 hóa chất dùng cho hệ thống định danh thủ công vi sinh vật. Ống 1: HCl 1N và hợp chất J 2183 Ống 2: Axit sulfanilic Ống 3: N,N-dimethyl-1-naphthylamine Ống 4: Potassium hydroxide Ống 5: naphthol Ống 6: Ferric Chloride	Hộp	02
12	Dầu khoáng	- Thành phần: dầu khoáng - Đóng gói: tối thiểu 125ml/lọ	Lọ	01
13	Thanh định danh liên cầu khuẩn	- Thanh định danh liên cầu và cầu khuẩn đường ruột - Đóng gói: tối thiểu 25 thanh + 25 ống hóa chất/hộp	Hộp	03

14	Thanh định danh trực khuẩn đường ruột <i>Enterobacteria</i>	- Thanh định danh trực khuẩn đường ruột và các trực khuẩn Gram âm khác. - Đóng gói: tối thiểu 25 thanh/hộp	Hộp	03
15	Thanh định danh trực khuẩn ngoài đường ruột	- Thanh định danh trực khuẩn ngoài đường ruột, dễ mọc. - Đóng gói: tối thiểu (25 thanh + 25 ống hóa chất)/hộp	Hộp	02
16	Thanh định danh <i>Staphylococcus</i>	- Thanh định danh các loài vi khuẩn: <i>Staphylococcus</i> , <i>Micrococcus</i> và <i>Kocuria</i> . - Đóng gói: tối thiểu (25 thanh + 25 ống hóa chất)/hộp	Hộp	03
17	Môi trường kiểm tra tính nhạy cảm kháng sinh của vi khuẩn dễ mọc	- Dùng để kiểm tra tính nhạy cảm kháng sinh của vi khuẩn dễ mọc - Đóng gói: tối thiểu 10 đĩa/Hộp	Hộp	250
18	Môi trường kiểm tra tính nhạy cảm kháng sinh của vi sinh vật khó mọc	- Dùng để kiểm tra tính nhạy cảm kháng sinh của vi khuẩn khó mọc. - Đóng gói: tối thiểu 10 đĩa/Hộp	Hộp	12
19	Môi trường nuôi cấy và thử tính tan máu của vi sinh vật	- Dùng để nuôi cấy và thử tính chất tan máu của các loại vi sinh vật. - Đóng gói: tối thiểu 10 đĩa/Hộp	Hộp	300
20	Môi trường nuôi cấy các loài vi sinh vật khó mọc: <i>Neisseria</i> và <i>Haemophilus...</i>	- Dùng để nuôi cấy các loài vi sinh vật khó mọc: <i>Neisseria spp</i> và <i>Haemophilus</i> . - Đóng gói: tối thiểu 10 đĩa/Hộp	Hộp	35
21	Môi trường nuôi cấy nhiều loại vi khuẩn	- Môi trường giàu dinh dưỡng thích hợp để nuôi cấy các loại vi khuẩn. - Đóng gói: tối thiểu 10 đĩa/Hộp	Hộp	80

22	Môi trường nuôi cấy và phân biệt các loại nấm	- Môi trường có pH thấp dùng để nuôi cấy và phân biệt các loại nấm mốc, nấm men. - Đóng gói: tối thiểu 10 đĩa/Hộp	Hộp	100
23	Môi trường phân lập và phân biệt vi sinh vật chính gây nhiễm trùng đường tiết niệu	- Dùng để chẩn đoán và phân biệt các vi sinh vật gây nhiễm trùng đường tiết niệu - Đóng gói: tối thiểu 10 đĩa/Hộp	Hộp	100
24	Môi trường phân lập và phân biệt các vi khuẩn đường ruột	- Môi trường phân lập và phân biệt các vi khuẩn <i>Enterobacteriaceae</i> thông qua sự lên men lactose. - Đóng gói: tối thiểu 10 đĩa/Hộp	Hộp	200
25	Môi trường phân lập các loài <i>Shigella</i> và <i>Salmonella</i>	- Dùng để phân lập một số <i>Shigella</i> và <i>Salmonella</i> từ các mẫu bệnh phẩm. - Đóng gói: tối thiểu 10 đĩa/Hộp	Hộp	05
26	Môi trường thạch nghiêng dùng để phân biệt vi khuẩn đường ruột	- Dùng để phân biệt vi khuẩn đường ruột dựa trên khả năng sử dụng citrate - Đóng gói: tối thiểu 10 ống/hộp	Hộp	18
27	Môi trường thạch nghiêng phân lập <i>Staphylococci</i>	- Dùng để nuôi cấy và định danh <i>Staphylococci</i> . - Đóng gói: tối thiểu 10 ống/hộp	Hộp	10
28	Môi trường kiểm tra sự nhạy cảm kháng sinh của vi sinh vật bằng phương pháp pha loãng đa nồng độ	- Môi trường lỏng (canh thang) để kiểm tra sự nhạy cảm với kháng sinh bằng phương pháp pha loãng đa nồng độ. - Đóng gói: tối thiểu 10 ống/hộp	Hộp	100

29	Môi trường thạch nghiêng định danh <i>Enterobacteriaceae</i> .	- Môi trường sử dụng để định danh <i>Enterobacteriaceae</i> , dựa trên quá trình lên men đường và sinh H ₂ S. - Đóng gói: tối thiểu 10 ống/hộp	Hộp	90
30	Môi trường phân biệt <i>Enterobacterales</i> dựa vào sử dụng Citrate	- Để phân biệt <i>Enterobacterales</i> dựa vào việc sử dụng citrate. - Đóng gói: tối thiểu 500g/hộp	Hộp	01
31	Môi trường nuôi cấy và xác định tính chất tan máu của vi khuẩn	- Môi trường phát hiện các phản ứng tan huyết đặc trưng khi môi trường được bổ sung máu vô trùng khử fibrin. - Đóng gói: tối thiểu 500g/hộp	Hộp	01
32	Môi trường phân lập <i>Staphylococci</i>	- Môi trường chọn lọc để phân lập <i>Staphylococci</i> gây bệnh. - Đóng gói: tối thiểu 500g/hộp	Hộp	01
33	Môi trường định danh và phân biệt vi khuẩn gây nhiễm trùng đường tiết niệu	- Môi trường tạo màu để định danh và phân biệt các vi sinh vật gây nhiễm trùng đường tiết niệu. Đóng gói: tối thiểu 400g/hộp	Hộp	01
34	Môi trường xét nghiệm nhạy cảm kháng sinh	- Môi trường tiêu chuẩn dùng để xét nghiệm nhạy cảm kháng sinh. - Đóng gói: tối thiểu 500g/hộp	Hộp	01
35	Môi trường phân biệt <i>Enterobacterales</i> dựa vào sự lên men đường đôi và tạo H ₂ S	- Để phân biệt <i>Enterobacterales</i> dựa vào việc sản sinh hydrogen sulphide và lên men đường đôi. - Đóng gói: tối thiểu 500g/hộp	Hộp	01

36	Môi trường nuôi cấy vi sinh vật	- Môi trường sinh trưởng/nuôi cấy mục đích chung. - Đóng gói: tối thiểu 500g/hộp	Hộp	01
37	Môi trường canh thang nuôi cấy vi sinh vật khó mọc	- Môi trường canh thang đa năng nuôi cấy vi sinh vật khó mọc. - Đóng gói: tối thiểu 500g/hộp	Hộp	01
38	Khoanh giấy kháng sinh đồ Amikacin	- Khoanh giấy tẩm kháng sinh Amikacin 30 μ g dùng để xác định sự nhạy cảm kháng sinh của tác nhân vi sinh gây bệnh. - Đóng gói: tối thiểu 250 khoanh/hộp	Hộp	03
39	Khoanh giấy kháng sinh đồ Amoxicillin + Clavulanic Acid	- Khoanh giấy tẩm kháng sinh Amoxicillin 20 μ g + Clavulanic Acid 10 μ g dùng để xác định sự nhạy cảm kháng sinh của tác nhân vi sinh gây bệnh. - Đóng gói: tối thiểu 250 khoanh/hộp	Hộp	01
40	Khoanh giấy kháng sinh đồ Ampicillin + Sulbactam	- Khoanh giấy tẩm kháng sinh Ampicillin 10 μ g + Sulbactam 10 μ g dùng để xác định sự nhạy cảm kháng sinh của tác nhân vi sinh gây bệnh. - Đóng gói: tối thiểu 250 khoanh/hộp	Hộp	03
41	Khoanh giấy kháng sinh đồ Azithromycin	- Khoanh giấy tẩm kháng sinh Azithromycin 15 μ g dùng để xác định sự nhạy cảm kháng sinh của tác nhân vi sinh gây bệnh. - Đóng gói: tối thiểu 250 khoanh/hộp	Hộp	01
42	Khoanh giấy kháng sinh đồ Cefaclor	- Khoanh giấy tẩm kháng sinh Cefaclor 30 μ g dùng để xác định sự nhạy cảm kháng sinh của tác nhân vi sinh gây bệnh. - Đóng gói: tối thiểu 250 khoanh/hộp	Hộp	01
43	Khoanh giấy kháng sinh đồ Cefdinir	- Khoanh giấy tẩm kháng sinh Cefdinir 5 μ g dùng để xác định sự nhạy cảm kháng sinh của tác nhân vi sinh gây bệnh. - Đóng gói: tối thiểu 250 khoanh/hộp	Hộp	01
44	Khoanh giấy kháng sinh đồ Cefepime	- Khoanh giấy tẩm kháng sinh Cefepime 30 μ g dùng để xác định sự nhạy cảm kháng sinh của tác nhân vi sinh gây bệnh. - Đóng gói: tối thiểu 250 khoanh/hộp	Hộp	02
45	Khoanh giấy kháng sinh đồ Cefixim	- Khoanh giấy tẩm kháng sinh Cefixime 5 μ g dùng để xác định sự nhạy cảm kháng sinh của tác nhân vi sinh gây bệnh. - Đóng gói: tối thiểu 250 khoanh/hộp	Hộp	01

46	Khoanh giấy kháng sinh đồ Cefuroxime	- Khoanh giấy tẩm kháng sinh Cefuroxime 30 μ g dùng để xác định sự nhạy cảm kháng sinh của tác nhân vi sinh gây bệnh. - Đóng gói: tối thiểu 250 khoanh/hộp	Hộp	01
47	Khoanh giấy kháng sinh đồ Cefoxitin	- Khoanh giấy tẩm kháng sinh Cefoxitin 30 μ g dùng để xác định sự nhạy cảm kháng sinh của tác nhân vi sinh gây bệnh. - Đóng gói: tối thiểu 250 khoanh/hộp	Hộp	03
48	Khoanh giấy kháng sinh đồ Cefotaxime	- Khoanh giấy tẩm kháng sinh Cefotaxime 30 μ g dùng để xác định sự nhạy cảm kháng sinh của tác nhân vi sinh gây bệnh. - Đóng gói: tối thiểu 250 khoanh/hộp	Hộp	01
49	Khoanh giấy kháng sinh đồ Ceftriaxone	- Khoanh giấy tẩm kháng sinh Cefotaxime 30 μ g dùng để xác định sự nhạy cảm kháng sinh của tác nhân vi sinh gây bệnh. - Đóng gói: tối thiểu 250 khoanh/hộp	Hộp	01
50	Khoanh giấy kháng sinh đồ Ceftazidime	- Khoanh giấy tẩm kháng sinh Ceftazidime 30 μ g dùng để xác định sự nhạy cảm kháng sinh của tác nhân vi sinh gây bệnh. - Đóng gói: tối thiểu 250 khoanh/hộp	Hộp	01
51	Khoanh giấy kháng sinh đồ Ceftazidim + avibactam	- Khoanh giấy tẩm kháng sinh Ceftazidime 30 μ g + avibactam 20 μ g dùng để xác định sự nhạy cảm kháng sinh của tác nhân vi sinh gây bệnh. - Đóng gói: tối thiểu 250 khoanh/hộp	Hộp	03
52	Khoanh giấy kháng sinh phát hiện ESBL	- Phát hiện Beta-lactamases phổ rộng. - Hộp gồm: Khoanh giấy tẩm kháng sinh Ceftazidime 30 μ g, khoanh giấy tẩm kháng sinh Ceftazidime 30 μ g + Clavulanic acid 10 μ g - Đóng gói: tối thiểu 300 khoanh/hộp	Hộp	05
53	Khoanh giấy kháng sinh đồ Ceftizoxime	- Khoanh giấy tẩm kháng sinh Ceftizoxime 30 μ g dùng để xác định sự nhạy cảm kháng sinh của tác nhân vi sinh gây bệnh. - Đóng gói: tối thiểu 250 khoanh/hộp	Hộp	01
54	Khoanh giấy kháng sinh đồ Ciprofloxacin	- Khoanh giấy tẩm kháng sinh Ciprofloxacin 5 μ g dùng để xác định sự nhạy cảm kháng sinh của tác nhân vi sinh gây bệnh. - Đóng gói: tối thiểu 250 khoanh/hộp	Hộp	03

55	Khoanh giấy kháng sinh đồ Colistin	- Khoanh giấy tẩm kháng sinh Colistin sulphate 10 μ g dùng để xác định sự nhạy cảm kháng sinh của tác nhân vi sinh gây bệnh. - Đóng gói: tối thiểu 250 khoanh/hộp	Hộp	01
56	Khoanh giấy kháng sinh đồ Doripenem	- Khoanh giấy tẩm kháng sinh Doripenem 10 μ g dùng để xác định sự nhạy cảm kháng sinh của tác nhân vi sinh gây bệnh. - Đóng gói: tối thiểu 250 khoanh/hộp	Hộp	04
57	Khoanh giấy kháng sinh đồ Doxycyclin	- Khoanh giấy tẩm kháng sinh Doxycycline 30 μ g dùng để xác định sự nhạy cảm kháng sinh của tác nhân vi sinh gây bệnh. - Đóng gói: tối thiểu 250 khoanh/hộp	Hộp	03
58	Khoanh giấy kháng sinh đồ Fosfomycin	- Khoanh giấy tẩm kháng sinh Fosfomycin 200 μ g + Glucose-6-phosphat 50 μ g dùng để xác định sự nhạy cảm kháng sinh của tác nhân vi sinh gây bệnh. - Đóng gói: tối thiểu 250 khoanh/hộp	Hộp	01
59	Khoanh giấy kháng sinh đồ Gentamycin	- Khoanh giấy tẩm kháng sinh Gentamicin 10 μ g dùng để xác định sự nhạy cảm kháng sinh của tác nhân vi sinh gây bệnh. - Đóng gói: tối thiểu 250 khoanh/hộp	Hộp	03
60	Khoanh giấy kháng sinh đồ Imipenem	- Khoanh giấy tẩm kháng sinh Imipenem 10 μ g dùng để xác định sự nhạy cảm kháng sinh của tác nhân vi sinh gây bệnh. - Đóng gói: tối thiểu 250 khoanh/hộp	Hộp	05
61	Khoanh giấy kháng sinh đồ Levofloxacin	- Khoanh giấy tẩm kháng sinh Levofloxacin 5 μ g dùng để xác định sự nhạy cảm kháng sinh của tác nhân vi sinh gây bệnh. - Đóng gói: tối thiểu 250 khoanh/hộp	Hộp	04
62	Khoanh giấy kháng sinh đồ Linezolid	- Khoanh giấy tẩm kháng sinh Linezolid 30 μ g dùng để xác định sự nhạy cảm kháng sinh của tác nhân vi sinh gây bệnh. - Đóng gói: tối thiểu 250 khoanh/hộp	Hộp	01
63	Khoanh giấy kháng sinh đồ Meropenem	- Khoanh giấy tẩm kháng sinh Meropenem 10 μ g dùng để xác định sự nhạy cảm kháng sinh của tác nhân vi sinh gây bệnh. - Đóng gói: tối thiểu 250 khoanh/hộp	Hộp	05

64	Khoanh giấy kháng sinh đồ Piperacillin + Tazobactam	- Khoanh giấy tẩm kháng sinh Piperacillin 100 μ g + Tazobactam 10 μ g dùng để xác định sự nhạy cảm kháng sinh của tác nhân vi sinh gây bệnh. - Đóng gói: tối thiểu 250 khoanh/hộp	Hộp	03
65	Khoanh giấy kháng sinh đồ Ticarcillin + Acid clavulanic	- Khoanh giấy tẩm kháng sinh Ticarcillin 75 μ g + Clavulanic Acid 10 μ g dùng để xác định sự nhạy cảm kháng sinh của tác nhân vi sinh gây bệnh. - Đóng gói: tối thiểu 250 khoanh/hộp	Hộp	02
66	Khoanh giấy kháng sinh đồ Sulfamethoxazole + Trimethoprim	- Khoanh giấy tẩm kháng sinh Trimethoprim 1.25 μ g + Sulfamethoxazole 23.75 μ g dùng để xác định sự nhạy cảm kháng sinh của tác nhân vi sinh gây bệnh. - Đóng gói: tối thiểu 250 khoanh/hộp	Hộp	03
67	Thanh kháng sinh Vancomycin	- Thanh chứa kháng sinh Vancomycin nồng độ 0,016-256 μ g/ml - Đóng gói: tối thiểu 30 thanh/hộp	Hộp	03
68	Khoanh giấy phát hiện nhanh enzym cytochrome oxydase ở vi khuẩn	- Khoanh giấy được tẩm N,N,N',N'-tetramethyl-1,4-phenylenediamine, dùng để phát hiện enzyme cytochrome oxidase ở vi khuẩn. - Đóng gói: tối thiểu 250 khoanh/hộp	Hộp	02
69	Chủng chuẩn <i>Escherichia coli</i> ATCC 25922	- Que cấy chứa vi khuẩn <i>E.coli</i> ATCC 25922 có khả năng sống và phát triển ổn định, sử dụng một lần - Đóng gói: tối thiểu 5 que/hộp	Hộp	01
70	Chủng chuẩn <i>Pseudomonas aeruginosa</i> ATCC 27853	- Que cấy chứa vi khuẩn <i>P.aeruginosa</i> ATCC 27853 có khả năng sống và phát triển ổn định, sử dụng một lần - Đóng gói: tối thiểu 5 que/hộp	Hộp	01
71	Chủng chuẩn <i>Staphylococcus aureus</i> ATCC 25923	- Que cấy chứa vi khuẩn <i>S.aureus</i> ATCC 25923 có khả năng sống và phát triển ổn định, sử dụng một lần - Đóng gói: tối thiểu 5 que/hộp	Hộp	01
	Tổng: 71 khoản			

Mẫu báo giá
Gói thầu Mua sắm thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm vi sinh năm 2024-2025

BÁO GIÁ

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các loại vật tư, hoá chất, thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	STT theo yêu cầu báo giá	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Hãng sản xuất	Đặc tính kỹ thuật, thông số kỹ thuật	Mã HS	Nước sản xuất	Số lượng/ khối lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1		Hàng hoá A										
2		Hàng hoá B										
n		...										

Hãng sản xuất, nhà cung cấp: Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật, hợp đồng tương tự hoặc các tài liệu liên quan của thiết bị y tế (nếu có)

2. Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)...và các khoản chi phí khác có liên quan, bên mua không phải trả thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác.

3. Hàng hóa mới 100%, bàn giao tại đơn vị sử dụng. Bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất Tháng (nếu có).

4. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày 25/11/2024.

5. Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))